

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY MIỀN TRUNG - CÔNG TY CP




Đà Nẵng, năm 2015

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “*Vốn điều lệ*” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. “*Luật doanh nghiệp*”: có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - c. “*Ngày thành lập Tổng công ty Miền Trung - Công ty CP*” là ngày Tổng công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bắt đầu hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.
 - d. “*Cán bộ quản lý*” là Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
 - e. “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. “*Thời hạn hoạt động*” là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. “*Tổng công ty*” là chữ viết tắt của Tổng công ty Miền Trung - Công ty CP.
 - h. “*Công ty mẹ*” - Tổng công ty Miền Trung - Công ty CP.
 - i. “*Công ty con*” là các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh mà Tổng công ty Miền Trung - Công ty CP sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó; hoặc có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; hoặc có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
 - j. “*Công ty liên kết*” là các Công ty cổ phần, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên mà Công ty mẹ sở hữu dưới 50% vốn điều lệ hoặc số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó.
 - k. “*Đơn vị trực thuộc*” là các đơn vị sản xuất, kinh doanh hạch toán phụ thuộc và các Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổng công ty.
 - l. “*Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con*” là nhóm Công ty bao gồm Công ty 

- mẹ (Tổng công ty) và các Công ty con.
- m. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- n. *Cổ đông* là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Tổng công ty.
- o. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty.

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY MIỀN TRUNG - CÔNG TY CP

Tên tiếng Anh: MIEN TRUNG JOINT STOCK CORPORATION

Tên viết tắt: COSEVCO

2. Lô gô của Tổng công ty:



3. Tổng công ty Miền Trung - Công ty CP có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
4. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:
Địa chỉ: 517 Trần Cao Vân, quận Thanh Khê - thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3813.740 Fax: 0511.3714.733
Email: cosevco@xaydungmientrung.vn
Website: www.xaydungmientrung.vn
5. Tổng giám đốc điều hành (hay Tổng Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
6. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 47 và Điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng và tổng thầu xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, thủy điện, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Xây lắp đồng bộ các hệ thống đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;	4290 (Chính)
2	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch	7911
3	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, công nghệ, ngoại ngữ cho người lao động;	8559

4	Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài Chi tiết: Tổ chức giáo dục định hướng, đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;	78302
5	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;	35101
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng, các khung nhà bằng thép, các thiết bị phi tiêu chuẩn, các loại cột thép, bồn, bể, đường ống các loại, hệ thống kỹ thuật cơ, điện, điện lạnh các công trình;	3320
7	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư phát triển, kinh doanh bất động sản, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp; Đầu tư kinh doanh các dự án theo hình thức BOO, BOT, BT. Dịch vụ cho thuê văn phòng và nhà ở.	6810
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế, lập tổng dự toán và thẩm tra thiết kế, tổng dự toán công trình;	7110
12	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
13	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, đường dây và trạm biến áp điện, bao gồm: lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế quy hoạch, khảo sát; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng về thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án, giám sát thi công, nghiệm thu và đánh giá chất lượng công trình;	7020
14	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu, mỡ bôi trơn, than cám các loại,	4661

15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu sản xuất xi măng (đá vôi, đá sét, đất đỏ Laterite, xi sắt, cát silic, thạch cao, đá đen, xỉ khí hóa, xỉ nhiệt điện, phụ gia trợ nghiền); Vật liệu chịu lửa.	4663
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị phục vụ trong ngành công nghiệp xi măng.	4659
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vỏ bao	4669
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất xi măng	7730
20	- Sản xuất công nghiệp: Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các chủng loại vật liệu xây dựng, vật tư, máy móc, thiết bị, công nghệ và các sản phẩm công nghiệp, dân dụng khác; Khai thác, chế biến và kinh doanh nguyên liệu, khoáng sản phục vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng; - Kinh doanh siêu thị; Dịch vụ thể dục thể thao, vui chơi giải trí.	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:

- Tối đa hoá lợi nhuận;
- Tăng giá trị vốn góp của các Cổ đông;
- Phát triển bền vững, phấn đấu trở thành một trong những đơn vị mạnh của ngành xây dựng Việt Nam;
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Tổng công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty:
 - Bằng số: **450.000.000.000 VNĐ**.
 - Bằng chữ: *Bốn trăm năm mươi tỷ đồng*.
 - Vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 45.000.000 cổ phần (Bốn mươi lăm triệu cổ phần),
 - Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)
2. Tổng công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Toàn bộ số cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể các cổ phần do Nhà nước sở hữu.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Tổng công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được chào bán qua Sở giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng chỉ cổ phiếu của cổ phần phổ thông phải bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây:
 - a. Tên trụ sở chính của Tổng công ty
 - b. Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ
 - d. Mệnh giá của mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số lượng cổ phần ghi trên cổ phiếu.
 - e. Thông tin về cổ đông:
 - Đối với cổ đông là cá nhân: Tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND/ số hộ chiếu.
 - Đối với cổ đông là tổ chức: Tên cổ đông, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh.
 - f. Thông tin tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - g. Dấu của Tổng công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.
 - h. Số đăng ký tại sở đăng lý cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Tổng công ty.
6. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề

ngộ của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì có xác nhận của công an địa phương và cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tổng công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Trong trường hợp một cổ đông bị chết thì việc giải quyết quyền lợi và trách nhiệm của cổ đông đó được thực hiện giải quyết theo quy định của Pháp luật về thừa kế.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
4. Khi cổ phần được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán, Tổng công ty phải chấp hành các quy định về lưu ký, chuyển nhượng, phát hành cổ phiếu của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông

1. Tổng công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - đ. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Tổng công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.5 và Điều 34.4;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số

quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.


Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;



- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất 10% trở lên;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
 - e. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - f. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;
 - g. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - h. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - i. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị;
 - j. Quyết định việc huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác; quyết định loại chứng khoán và số lượng chứng khoán phát hành cho từng loại, phương thức phát hành, đối tượng chào bán và mức giá chào bán cho các đối tượng;
 - k. Quyết định đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, giao dịch mua hoặc bán tài sản của Tổng công ty có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.
 - l. Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại; 

- n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây :
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Tổng công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4.(b) hoặc Điều 13.4.(c).
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
4. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
5. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Tổng công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
6. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
7. Thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên website của Tổng công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 8 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

- d. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Tổng công ty và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
10. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
 11. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu

biểu quyết của cổ đông đó. Sau khi các cổ đông đã hoàn tất việc ghi ý kiến vào phiếu biểu quyết, ban kiểm phiếu sẽ tiến hành thu phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 18, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Tổng công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên

tổng số phiếu bầu của các đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng công ty;
 - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
- a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - b. Quyết định đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, giao dịch mua hoặc bán tài sản của Tổng công ty có giá trị từ 50% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất;
 - c. Quyết định mua lại hơn 10% một loại số phần phát hành;
 - d. Quyết định việc huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác, quyết định loại chứng khoán và số lượng chứng khoán phát hành cho từng loại, phương thức phát hành, đối tượng chào bán và mức giá chào bán cho các đối tượng;
 - f. Quyết định về sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Tổng công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên

đổi chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty;
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Phải có ít nhất 02 thành viên trong tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập không điều hành.
2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Là người có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý, điều hành;
 - c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành các quy định pháp luật.
5. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty và Hội đồng quản trị có Nghị quyết chấp thuận việc từ chức trong vòng 45 ngày kể từ ngày gửi đơn;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Trong trường hợp có một thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, từ chức hoặc mất tư cách làm thành viên, Hội đồng quản trị đề cử một thành viên tạm thời để đảm nhiệm vị trí và nhiệm vụ mà thành viên cũ để lại, việc đề cử sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 9. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
 10. Việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo, công bố theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.
3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, hoặc người quản lý các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

- b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển trung dài hạn, kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Tổng công ty;
 - b. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Phê duyệt các Quy chế quản lý tài chính, Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, Quy chế trả lương, trả thưởng và các quy chế khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - c. Quyết định cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thành lập các đơn vị trực thuộc và các Công ty con;
 - d. Phê duyệt đơn giá tiền lương trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;
 - e. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Tổng giám đốc Tổng công ty, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
 - f. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm mức lương, thù lao và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Ban và các chức danh tương đương theo đề nghị của Tổng giám đốc;
 - g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - h. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - i. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời ; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Đề xuất phương án xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh ;

- m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty;
 - n. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó ;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, các khoản đi vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty, các giao dịch mua hoặc bán tài sản của Tổng công ty có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.
 - b. Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 10% giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất;
 - c. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.
 - d. Quyết định việc đầu tư, góp vốn, mua cổ phần có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất vào các doanh nghiệp khác được thành lập tại Việt Nam; Quyết định việc thoái vốn, bán cổ phần tại các công ty thành viên, công ty con, công ty mà Tổng công ty có sở hữu vốn.
 - e. Quyết định việc Tổng công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng.
 - f. Hội đồng quản trị mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 25, khoản 5, điểm a. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

- g. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.
6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty; tuy nhiên, trong trường hợp có sự kiêm nhiệm phải được Hội đồng quản trị thông qua và đưa ra lấy ý kiến trước Đại hội cổ đông trong kỳ họp gần nhất. Việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định hiện hành.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây :
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị

- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
 - e. Triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
 5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày làm việc. Việc bầu người thay thế được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường.



Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.
6. Địa điểm họp.
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp
- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị tham dự hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập cuộc họp lần thứ 2 trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại Khoản 11b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 11d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 32.6a và Điều 32.6b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được

chuyên đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết là mình có lợi trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
13. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách là thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
18. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổng công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có một Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Bổ nhiệm, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc như sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - b. Là người có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm quản lý và điều hành.
 - c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
 - d. Tổng giám đốc không được đồng thời làm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng đã ký.
4. Nhiệm vụ và quyền hạn: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, tổ chức quản lý điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- a. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty, phương án huy động vốn, dự án đầu tư, phương án phối hợp kinh doanh giữa các công ty con hoặc với các doanh nghiệp khác các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại lao động, trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - d. Quyết định các hợp đồng xây lắp có giá trị tối đa không vượt quá 200 tỉ đồng; hợp đồng thuê, cho thuê tài sản có giá trị tối đa không vượt quá 100 tỉ đồng;
 - e. Ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng liên quan đến đầu tư, góp vốn sau khi đã được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - f. Quyết định giao dịch mua tài sản có giá trị 10 tỉ đồng trở xuống;
 - g. Quyết định các giao dịch nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị từ 5 tỉ đồng trở xuống;
 - h. Kiến nghị chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty;
 - i. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - j. Đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

- k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - l. Đề xuất với Hội đồng quản trị thành lập quỹ khen thưởng của Tổng giám đốc sử dụng vào mục đích thưởng cho cán bộ công nhân viên có thành tích lao động, có sáng kiến hoặc đóng góp làm lợi cho Tổng công ty;
 - m. Tuyển dụng lao động;
 - n. Kiến nghị phương án trả cổ tức;
 - o. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận và phương án xử lý lỗ trong hoạt động kinh doanh;
 - p. Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 03 năm.
 - q. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty.
 - r. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và các quy định pháp luật hiện hành.
5. Báo cáo Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.
6. Từ nhiệm: Trong trường hợp từ nhiệm, Tổng giám đốc phải có văn bản gửi tới Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được văn bản, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.
7. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau :
- a. Để Tổng công ty làm ăn thua lỗ 02 năm liên tiếp;
 - b. Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Doanh nghiệp và người lao động;
 - c. Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân, làm thất thoát tài sản của Tổng công ty;

- d. Vi phạm quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Tổng công ty dẫn đến việc gây thiệt hại cho Tổng công ty.
- e. Tự ý bỏ nhiệm sở từ 5 ngày làm việc liên tục trở lên mà không có lý do;
- f. Chết, mất năng lực hành vi dân sự.

Trong trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải hoàn tất việc tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

- 8. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
- 9. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết đại hội cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định nội bộ và theo nội dung các điều khoản tại Hợp đồng lao động ký với Tổng công ty. Nếu thực hiện trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Tổng công ty.

Điều 30. Thư ký Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ tổng công ty.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 31. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng công ty, bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc kê khai quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ

- đồng, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.
 6. Hợp đồng giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 điều này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
 7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng quy định tại khoản 6 điều này sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị hoặc các cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay biểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất: những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan và đã được Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó thể hiện bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc:
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất: những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng

công ty vào thời điểm giao dịch và phải được Hội đồng quản trị hay Đại hội cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

8. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
9. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 33. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Tổng công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Tổng công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty (hay Công ty con của Tổng công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty (hay công ty con của Tổng công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Tổng công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.



CHƯƠNG X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát tối đa có năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên chuyên trách có chuyên môn về tài chính kế toán, am hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ và về pháp luật, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
 - c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.
 - d. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động trong doanh nghiệp.
3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử hai thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
5. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
7. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Tổng công ty.
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c. Thẩm định, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 - d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần

thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 10 của Điều lệ này;

- e. Xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- f. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- g. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm Của công ty kiểm toán độc lập;
- h. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- i. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- j. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Tổng công ty;
- k. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng công ty nếu thấy cần thiết;

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- l. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

- m. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- n. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng công ty quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- o. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - p. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sau các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
 4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Tổng công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì

những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tổng công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Tổng công ty cấp một bản Điều lệ Tổng công ty miễn phí. Điều lệ phải được công bố trên website của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

Điều 37. Tổ chức Đảng và các tổ chức Chính trị - xã hội, trong Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến Pháp, Pháp luật, và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức Chính trị xã hội khác trong Tổng Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của từng tổ chức.
3. Tổng công ty tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu tại khoản 1, và khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.
3. Tổng công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Tổng Công ty đã thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Tổng công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 39. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận để lại sau khi đã chi trả cổ tức cho cổ đông sẽ được sử dụng để trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo tỉ lệ cụ thể được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 41. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 42. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Tổng công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng Đồng Việt Nam (VNĐ) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Tổng công ty sẽ chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật, phải được kiểm toán theo đúng quy định tại Điều 45 của Điều lệ này và trong thời gian 90 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty mẹ và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên một tờ nhật báo hàng ngày của địa phương và một tờ báo kinh tế Trung ương trong vòng ba số liên tiếp, cũng như đưa lên trang web của Tổng công ty các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty.
4. Bất kỳ cổ đông nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong giờ làm việc của Tổng công ty tại trụ sở chính và phải trả một chi phí hợp lý cho việc sao chụp đó.

Điều 44. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo các quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị để lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong thời gian nhanh nhất.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Tổng công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các

vấn đề có liên quan đến báo cáo tài chính của Tổng công ty đã được kiểm toán khi Chủ tọa yêu cầu.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Con dấu chính thức của Tổng công ty được khắc và đăng ký theo quy định của luật pháp hiện hành.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và thẩm quyền tại Điều lệ này.

CHƯƠNG XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 48. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Tổng công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 49. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại Hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ


Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 52 Điều, được nhất trí thông qua tại:
 - Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2011.
 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 31/5/2013.
 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 26/6/2014. 

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 25/6/2015.

Và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 09 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
 - c. 03 bản lưu trữ tại phòng Nhân sự Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty Miền Trung - Công ty CP.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc dưới con dấu của Tổng công ty mới có giá trị.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY



NGUYỄN TRUNG HẬU